

Số: 06/2024/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở

giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 2773/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh số 56/BC-VHXXH, ngày 06 tháng 7 năm 2024; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập).

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục công lập; học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là học sinh).

b) Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư; cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu

Danh mục các khoản thu và mức thu tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Thực hiện thu

a) Mức thu đối với từng khoản thu quy định tại Điều 2 Nghị quyết này là mức thu tối đa. Các cơ sở giáo dục công lập căn cứ mức chi thực tế xác định mức thu cụ thể bảo đảm bù chi, không lợi nhuận, không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 2 Nghị quyết này; đồng thời quy định chế độ miễn, giảm phù hợp đối với học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

b) Khi dự toán các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải giảm trừ số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của cơ sở giáo dục công lập. Cơ sở giáo dục công lập quản lý, hạch toán các khoản thu chi trong hệ thống sổ sách kế toán theo quy định.

c) Các khoản thu phải được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của hội đồng giáo dục nhà trường và phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý) trước khi ban hành.

2. Thực hiện chi

a) Thực hiện chi bảo đảm tính hợp lý, hợp lệ và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

b) Cơ sở giáo dục công lập thực hiện công khai việc thu, chi các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản hiện hành.

3. Trường hợp có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, cơ sở giáo dục phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù. Trường hợp cuối năm học chi không hết cơ sở giáo dục phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc chuyển sang năm học sau nếu được sự đồng ý của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

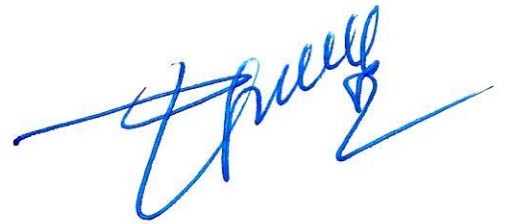
Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khoá XV, kỳ họp thứ Mười lăm, thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: GD và ĐT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh, LĐ UBND;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Phương

PHỤ LỤC

**Danh mục các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục
của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh**
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên)

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa đối với từng cấp học (ĐVT: VNĐ)				Thời gian thu
			Mầm non	Tiểu học	THCS; GDTX cấp THCS	THPT; GDTX cấp THPT	
1	Dịch vụ ăn bán trú						
a	Bữa chính	Bữa/Học sinh	20.000	25.000	30.000		Theo tháng
b	Bữa phụ	Bữa/Học sinh	10.000				Theo tháng
2	Dịch vụ trông trưa	Buổi/Học sinh	5.000	5.000			Theo tháng
3	Dịch vụ chăm sóc trẻ trong các ngày nghỉ, ngày nghỉ hè	Ngày/học sinh	35.000				Theo tháng
4	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm học/Học sinh	90.000	90.000	90.000	90.000	Theo học kỳ
5	Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ chính khoá	Giờ/Học sinh	5.000	5.000			Theo tháng
6	Dịch vụ tổ chức thi thử tuyển sinh, tốt nghiệp	Môn/Học sinh			10.000	10.000	Theo đợt
7	Dịch vụ quản lý trẻ em, học sinh khi tham gia hoạt động ngoại khóa, tham quan	Ngày/Học sinh	12.000	10.000	8.000	7.000	Theo đợt
8	Dịch vụ sử dụng máy điều hòa	Tháng/học sinh	30.000	26.000	23.000	22.000	Theo tháng